

ĐV, ngày 28 tháng 01 năm 2022.

Số: 01/2022/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 74/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn N H - Sinh năm 1952.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện ĐV, tỉnh Quảng Ninh.

- Bị đơn: Bà Lương T B - Sinh năm 1956.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện ĐV, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn N H được quyền sử dụng 773,5m² đất (trong đó 85m² đất ở và 688,5m² đất trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 385316, sổ vào sổ cấp GCN: CH03009 do Ủy ban nhân dân huyện ĐV cấp ngày 30/8/2021 tên người sử dụng Nguyễn N H - Lương T B, thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 42; địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện ĐV, tỉnh Quảng Ninh), giá trị 244.171.000đ (Hai trăm bốn mươi bốn triệu một trăm bảy một nghìn đồng). Diện tích đất ông Nguyễn N H được quyền sử dụng có ký hiệu thửa S1, mốc giới thửa đất được xác định bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 30, 1. Vị trí thửa đất phía Đông Bắc giáp đất ông H, phía Tây Bắc giáp đất bà

B, phía Đông Nam giáp đường bê tông và phía Tây Nam giáp ngõ bê tông (theo biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất do Công ty cổ phần đo đạc địa chính và xây dựng công trình A thực hiện đo vẽ - có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

Ông Nguyễn N H được quyền sở hữu 01 nhà cấp 4 (hai tầng), kết cấu bê tông cốt thép, diện tích xây dựng 83,1m², diện tích sàn 166,2m² (hoàn thành xây dựng năm 2019), giá trị 400.000.000 đồng (Tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất ông H được chia - ký hiệu b2).

Tổng giá trị tài sản ông Nguyễn N H được chia là 644.171.000đ (Sáu trăm bốn mươi bốn triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng).

2.2. Bà Lương T B được quyền sử dụng 1670,4m² đất trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 385316, số vào sổ cấp GCN: CH03009 do Ủy ban nhân dân huyện ĐV cấp ngày 30/8/2021 tên người sử dụng Nguyễn N H - Lương T B, thuộc thửa số 59, tờ bản đồ số 42; địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện ĐV, tỉnh Quảng Ninh, giá trị 76.838.400đ (Bảy mươi sáu triệu tám trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm đồng). Diện tích đất bà Lương T B được quyền sử dụng có ký hiệu thửa S2, mốc giới thửa đất được xác định bởi các điểm 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 6. Vị trí thửa đất phía Tây Bắc giáp đất ông T; phía Đông Bắc giáp đất ông T, ông T; phía Đông Nam giáp đất ông H, ông H, bà H, ông Hu, ông Ho và phía Tây Nam giáp ngõ bê tông (theo biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất do Công ty cổ phần đo đạc địa chính và xây dựng công trình A thực hiện đo vẽ - có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

2.3. Ông Nguyễn N H không phải thanh toán tiền chênh lệch về giá trị tài sản cho bà Lương T B.

2.4. Ông Nguyễn N H, bà Lương T B có quyền và nghĩa vụ kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ở, đất trồng cây lâu năm và tài sản trên đất đã được chia (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 385316, số vào sổ cấp GCN: CH03009 do Ủy ban nhân dân huyện ĐV cấp ngày 30/8/2021 tên người sử dụng Nguyễn N H - Lương T B và biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất do Công ty cổ phần đo đạc địa chính và xây dựng công trình A thực hiện đo vẽ) theo quy định của pháp luật.

2.5. Ông Nguyễn N H và bà Lương T B mỗi người tự nguyện chịu ½ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (ông H và bà B đã quyết toán xong).

2.6. Về án phí: Ông Nguyễn N H và bà Lương T B được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện ĐV;
- CCTHADS huyện ĐV;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lưu Minh Đoàn